

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực
Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định
liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07
tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP
ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một
cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHHCN ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban
hành lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 234/TTr-SKHCCN ngày 06 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **01 (Một)** thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long (*chi tiết Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Phê duyệt mới **01 (Một)** quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này (*chi tiết Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp phối hợp với Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Công khai đầy đủ danh mục, nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh trong thời hạn **chậm nhất là 10 ngày làm việc**, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ. VP UBND tỉnh;
- Phòng VH - XH;
- Trung tâm: PVHCC, TH - CB;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH VĨNH LONG
(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
CẤP TỈNH							
1	1.012353. H61	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô	- 23 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - 43 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (quầy Sở Khoa học và Công nghệ) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải	Không quy định	- Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023	Chi tiết tại Phụ lục II

		<p>nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)</p>	<p>hồ sơ hợp lệ đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp.</p>	<p>quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn).</p> <p>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long. - Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. 		<p>của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.</p>	
--	--	---	---	---	--	---	--

PHẦN II NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Mã TTHC: 1.012353.H61)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Nhà đầu tư lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác định công nghệ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (quầy Sở Khoa học và Công nghệ) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

- Bước 2: Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ

* Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

Nếu hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì công chức tiếp nhận hồ sơ lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính giao cho người nộp hồ sơ và chuyển Bộ phận chuyên môn xử lý.

Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ theo quy định thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ không quá 01 lần.

* Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích:

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì công chức tiếp nhận thông báo ngày trả kết quả bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua hộp thư điện tử cho người nộp biết và chuyển Bộ phận chuyên môn xử lý.

Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ theo quy định thì công chức tiếp nhận hồ sơ gửi Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua hộp thư điện tử cho người nộp biết hoàn chỉnh hồ sơ để bổ sung không quá 01 lần.

Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

* Đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long:

Tại địa chỉ: <http://dichvucong.vinhlong.gov.vn> chọn mục "Dịch vụ công trực tuyến" và thực hiện theo đúng trình tự hướng dẫn.

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả thông qua điện thoại hoặc qua hộp thư điện tử cho người nộp biết và chuyển Bộ phận chuyên môn xử lý.

Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ theo quy định thì công chức tiếp nhận hồ sơ lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thông qua điện thoại hoặc qua hộp thư điện tử cho người nộp để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không quá 01 lần.

Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

- Bước 3: Xử lý hồ sơ

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có văn bản xác định công nghệ dự án đầu tư cho nhà đầu tư. Trong đó:

+ Trong 03 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có ý kiến. Trường hợp cần thiết, lấy thêm ý kiến tổ chức, chuyên gia độc lập để tham vấn về chuyên môn, xác định công nghệ của dự án đầu tư.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, chuyên gia độc lập có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ ý kiến của cơ quan phối hợp, tổ chức, chuyên gia độc lập, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến xác định công nghệ của dự án bằng văn bản gửi nhà đầu tư.

Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, trong thời hạn 43 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có văn bản xác định công nghệ dự án đầu tư cho nhà đầu tư. Trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thực hiện:

+ Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, tổ chức họp Hội đồng, tổ chức khảo sát thực tế để xác định công nghệ của dự án đầu tư trong 38 ngày làm việc. Kinh phí chi cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến xác định công nghệ của dự án bằng văn bản gửi nhà đầu tư.

- Bước 4: Trả kết quả

Nhà đầu tư nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Trung

tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (quầy Sở Khoa học và Công nghệ) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trao trả kết quả: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị xác định công nghệ (theo mẫu);

+ Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (theo mẫu);

+ Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Tổng thời gian giải quyết là 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Trong đó:

+ Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi văn bản lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (cơ quan phối hợp) hoặc gửi văn bản lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia độc lập để tham vấn về chuyên môn, xác định công nghệ của dự án đầu tư.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan được lấy ý kiến phối hợp, tổ chức, chuyên gia độc lập có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ ý kiến của Cơ quan phối hợp, Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; Tổ chức, chuyên gia độc lập, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến xác định công nghệ của dự án bằng văn bản gửi nhà đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, tổng thời gian giải quyết là 43 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, trong đó Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, tổ chức họp Hội đồng, tổ chức khảo sát thực tế để xác định công nghệ của dự án đầu tư và có ý kiến xác định công nghệ của dự án bằng văn bản gửi nhà đầu tư.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã hoặc sắp hết thời gian hoạt động, có nhu cầu gia hạn thời gian hoạt động.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác định công nghệ dự án đầu tư.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị xác định công nghệ theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg;

- Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg;

- Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án đầu tư đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Việc xem xét, xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên khi nhà đầu tư có nhu cầu gia hạn thời gian hoạt động của dự án đầu tư.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh...

1. Tên nhà đầu tư:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/fax:
- Email: Website:
4. Người đại diện pháp luật:
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....(mã số), do (cơ quan) cấp ngày... tháng... năm....
6. Dự án đầu tư: (tên, địa điểm thực hiện dự án).
7. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký dự án đầu tư số (mã số).....do (cơ quan)..... cấp ngày... tháng... năm...

Đề nghị được xác định công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư. Hồ sơ đề nghị xác định công nghệ gửi kèm văn bản này gồm các tài liệu sau:

1. Thuyết minh hiện trạng công nghệ;
2. Chứng thư giám định số ngày ... tháng ... năm do(tên tổ chức giám định) cấp;

..... (tên nhà đầu tư) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu nêu trên.

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH HIỆN TRẠNG CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư:.....
2. Địa điểm thực hiện dự án:.....
3. Địa chỉ liên hệ: Điện thoại:
- Email: Website:
4. Giấy chứng nhận đăng ký dự án đầu tư: (ngày tháng năm cấp; cơ quan cấp; mã số).
5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của dự án đầu tư:.....
6. Quy mô dự án:
 - Sản lượng:..... đơn vị sản phẩm/năm
 - Lao động:..... người
 - Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha
 - Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng
7. Thời gian bắt đầu hoạt động:.....
8. Thời hạn hoạt động:

II. THUYẾT MINH HIỆN TRẠNG CÔNG NGHỆ

1. Quy trình công nghệ, đặc điểm của dây chuyền công nghệ:
 - Tên công nghệ;
 - Quy trình, đặc điểm của dây chuyền công nghệ (trong đó thuyết minh quy trình, thông số kỹ thuật, sơ đồ dây chuyền công nghệ,...);
 - Quy mô công suất/hiệu suất hiện tại và so với thiết kế;
 - Sự hoàn thiện của công nghệ, phù hợp của công nghệ; phân tích ưu nhược điểm của công nghệ, so sánh với công nghệ cùng loại đang sử dụng phổ biến trong và ngoài nước (nếu có);
 - Quy chuẩn kỹ thuật, chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường áp dụng đối với dây chuyền công nghệ.
2. Nguyên vật liệu, nhiên liệu năng lượng của dây chuyền công nghệ:
 - Thống kê nguyên, vật liệu (chủng loại, khối lượng);
 - Mức độ tiêu thụ nguyên, vật liệu, năng lượng hiện tại so với thiết kế;
3. Sản phẩm của dây chuyền công nghệ:

- Tên các loại sản phẩm, quy mô sản lượng (năng suất);
- Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.

4. Thống kê loại chất thải, khối lượng chất thải trong quá trình sản xuất.

5. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của dây chuyền công nghệ, việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

6. Hoạt động duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ, sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị (kèm theo hồ sơ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị).

7. Thuyết minh máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Danh mục máy móc, thiết bị trong dây chuyền công nghệ:

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	Năm sản xuất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất (xuất xứ)	Nhãn hiệu	Số hiệu	Kiểu loại (model)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS
I	Máy móc, thiết bị có tuổi không vượt quá 10 năm								
1									
...								
II	Máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm								
1									
...								

Lưu ý: Trường hợp một dự án đầu tư có nhiều dây chuyền sản xuất thì liệt kê và thuyết minh chi tiết hiện trạng công nghệ của từng dây chuyền sản xuất trong dự án đó.

....., ngày.... tháng.... năm 20....

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng năm.....

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án đầu tư:
2. Ngày thực hiện giám định:.....
3. Địa điểm giám định:.....
4. Phương pháp giám định:.....

II. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Dây chuyền công nghệ:

1.1. Dây chuyền công nghệ thứ nhất:

- Tên dây chuyền công nghệ:...

- Công suất (hoặc hiệu suất):

Theo thiết kế:..... thực tế:..... đạt: ...% (so với thiết kế)

- Tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng:

Theo thiết kế:..... thực tế:..... đạt: ...% (so với thiết kế)

- Đánh giá mức độ đáp ứng của dây chuyền công nghệ khi hoạt động theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Trường hợp không có QCVN về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến dây chuyền công nghệ của dự án thì có thể áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường (Mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường)¹:

1.2. Dây chuyền công nghệ tiếp theo: (*trình bày tương tự như dây chuyền công nghệ thứ nhất*).....

¹ Trường hợp không có QCVN, TCVN và tiêu chuẩn quốc gia của các nước G7, Hàn Quốc thì nêu rõ trong Chứng thư giám định.

2. Máy móc, thiết bị có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi không vượt quá 10 năm:

2.1. Danh mục máy móc thiết bị:

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nhãn hiệu/số hiệu/kiểu loại (model)	Mã HS	Mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường
1							
2							
....						

2.2. Đánh giá chung về mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường của toàn bộ máy móc, thiết bị có tuổi không vượt quá 10 năm:.....

3. Máy móc, thiết bị có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm:

3.1. Danh mục máy móc thiết bị:

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nhãn hiệu/số hiệu/kiểu loại (model)	Mã HS	Mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường
1							
2							
....						

3.2. Đánh giá máy móc, thiết bị về việc đáp ứng các tiêu chí xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4. Hiệu lực của chứng thư giám định: 12 tháng (kể từ ngày cấp chứng thư).

GIÁM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH

(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

1. Tên TTHC: Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Mã TTHC: 1.012353.H61)

a) Trường hợp 1: Phôi hợp lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Khoa học và Công nghệ xử lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghệ tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu văn bản lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường, trình lãnh đạo Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	1,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghệ xem xét, trình lãnh đạo Sở.		0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường.		0,5 ngày
Bước 5	Phòng chuyên môn tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu văn bản ý kiến về lĩnh vực môi trường gửi Sở Khoa học và Công nghệ, trình lãnh đạo Phòng.		11 ngày
Bước 6	Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, trình lãnh đạo Sở.	Sở Tài nguyên và Môi trường	03 ngày
Bước 7	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt gửi Sở Khoa học và Công nghệ.		01 ngày

Bước 8	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghệ xử lý trình lãnh đạo Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	2,5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghệ xem xét trình lãnh đạo Sở.		01 ngày
Bước 10	Lãnh đạo Sở ký duyệt, lưu hồ sơ điện tử và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.		01 ngày
Bước 11	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC, trong đó:			23 ngày
- 01 ngày giải quyết tại Trung tâm PVHCC;			
- 15 ngày lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường;			
- 07 ngày thuộc phạm vi giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.			

b) Trường hợp 2: Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Khoa học và Công nghệ xử lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghệ tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; Tổ chức họp Hội đồng, tổ chức khảo sát thực tế để xác định công nghệ của dự án đầu tư và tổng hợp kết quả từ Hội đồng, tham mưu trình lãnh đạo Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	40 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghệ trình kết quả giải quyết thủ tục hành chính lên lãnh đạo Sở.		01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, lưu hồ sơ điện tử và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.		01 ngày
Bước 5	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC, trong đó: - 01 ngày giải quyết tại Trung tâm PVHCC; - 42 ngày giải quyết tại Sở Khoa học và Công nghệ.			43 ngày